TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Số : 38/2025/HNGĐ – ST
Ngày: 30/6/2025
V/v "Tranh chấp ly hôn và con chung"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Oanh
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Xuân Đạm
2. Ông Võ Đức Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Như Mai Trang - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 67/2025/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn và con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 20/2025/QĐHPT-DS ngày 13/6/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Lê Thị Hồng T, sinh năm 1989 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ B, ấp E, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn Bé E, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ B, ấp E, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/3/2025, bản tự khai, nguyên đơn bà Lê Thị Hồng T trình bày:

Bà T và ông Trần Văn Bé E tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2019 có đăng ký kết tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay nhận thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa nên bà T xin được ly hôn với ông E.

Về con chung: Bà T và ông E có 01 người con chung tên Trần Minh Q, sinh ngày 04/02/2020, hiện con đang sống cùng bà T. Khi ly hôn, bà T xin trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông E cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn Bé E: Ông E có đăng ký hộ khẩu tại ấp E, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho ông E và triệu tập ông E làm việc theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên ông E không có văn bản trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu chứng cứ và không có mặt theo các thông báo, quyết định của Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tại phiên tòa:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành pháp luật, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho ông E theo luật định. Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chaáp nhaän yeâu caàu khởi kiện của nguyên đơn bà T:

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông bà T với ông E.

+ Về con chung: Giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu ông E cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung: Không xem xét do không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh yêu cầu giải quyết ly hôn với ông E. Ông E có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp E, xã L, huyện L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông E vắng mặt, tuy nhiên Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt văn bản tố tụng đối với ông E theo quy định. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông E tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2019 có đăng ký kết hôn tại có đăng ký kết tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước, vì vậy hôn nhân của bà T và ông E là hợp pháp. Bà T cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2024, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà T xin ly hôn với ông E. Đối với ông E, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông E không đến làm việc cũng như tham gia hòa giải để đưa ra ý kiến và biện pháp hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Như vậy, có căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông E đã mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

Về con chung: Bà T và ông E có 01 con chung tên Trần Minh Q, sinh ngày 04/02/2020, hiện con đang sống cùng bà T. Khi ly hôn, bà T xin trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông E cấp dưỡng nuôi con. Ông E không đến Toà án làm việc, không trình bày ý kiến về con chung. Như vậy cần giao con chung tên Trần Minh Q, sinh ngày 04/02/2020 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông E cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu xem xét, giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà T và ông E không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tại phiên tòa là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy ñònh veà mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy bà T phải chịu số tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2015;

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị Hồng T và ông Trần Văn Bé E.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Minh Q, sinh ngày 04/02/2020 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông E cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên theo luật định.

4. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Không có.

6. Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị Hồng T chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0006925 ngày 14 tháng 3 năm 2025.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng có bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Thị Oanh

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND huyện Lộc Ninh;*
- *THA DS huyện Lộc Ninh;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Lộc Thuận;*
- *Lưu hồ sơ.*